TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 11 - 2018
V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích.
2. Bà Trần Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Trí S, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Thôn K, xã KP, huyện KB, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20 tháng 8 năm 2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là anh Đinh Trí S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Lan H lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 21 tháng 4 năm 2008. Sau khi cưới, vợ chồng cùng nhau chung sống hạnh phúc tại thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng đến khoảng giữa năm 2009 thì chuyển ra sinh sống tại nhà của bố mẹ anh ở thôn K, xã KP, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống tại nhà bố mẹ anh, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau. Do đó chị H đã bỏ về nhà ngoại tại thôn T, xã L, huyện B,, tỉnh Lâm Đồng để ở nhờ từ tháng 8/2015 cho đến nay và cũng kể từ đó vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian chị H bỏ về nhà ngoại, anh có gọi điện thuyết phục chị H trở về chung sống, nhưng chị H không về mà còn bảo anh làm đơn ly hôn. Nay anh xác định

tình cảm giữa vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân khá lâu, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan H để anh sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh S trình bày, vợ chồng anh sinh được 01 con chung là cháu Đinh Nhật M, sinh ngày 10/02/2009, hiện nay cháu đang ở với anh. Khi ly hôn anh xin được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, kể từ nay cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng; tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Anh S trình bày, cho đến nay vợ chồng không có gì, nên khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 18 tháng 10 năm 2018 và các lời khai khác tại Tòa án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Lan H xác nhận và trình bầy: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời gian ly thân của vợ chồng đúng như anh Sơn đã khai. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn như anh S khai là chưa chính xác, vì sau khi về nhà chồng ở được một thời gian anh S đã mải chơi và sinh ra rượu chè rồi vô cớ chửi mắng, đánh đập chị, nhưng chị đã cố gắng chịu đựng để mong hàn gắn tình cảm vợ chồng, song mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra, nên tháng 8/2015 chị đã bỏ anh S về nhà ngoại tại thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng để ở nhờ và làm ăn sinh sống, cũng kể từ đó vợ chồng chính thức ly thân, hai bên không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên chị hoàn toàn đồng ý ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị H xác nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Đinh Nhật M, sinh ngày 10/02/2009, hiện nay cháu đang ở với anh S. Khi ly hôn chị nhất trí giao cháu M cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ nay cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được, chị xin không phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay chị không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con và anh S cũng không yêu cầu.

Về con riêng; tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Chị H xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có gì, nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên, không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Trí S và chị Nguyễn Thị Lan H; giao cháu Đinh Nhật M, sinh ngày 10/02/2009 cho anh S

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; ngoài ra còn đề nghị về án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nguyên đơn hiện cư trú trên địa bàn huyện Kim Bảng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Lan H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa không ai đề nghị hoãn phiên tòa, nên đây thuộc trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Trí S và chị Nguyễn Thị Lan H lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 4 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Phải khẳng định đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên sau ngày cưới, vợ chồng chỉ cùng nhau chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng gần hai năm đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chỉ vì thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, khiến hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Việc chị H bỏ anh S về nhà ngoại tại thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng để ở nhờ từ tháng 8/2015 cho đến nay, chứng tỏ hai bên không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống chung của nhau. Nay cả hai cùng xác định tình cảm giữa vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên cần xem xét chấp nhận xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Trí S và chị Nguyễn Thị Lan H là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh S, chị H có 01 con chung là cháu Đinh Nhật M, sinh ngày 10/02/2009. Cả hai cùng thống nhất khi ly hôn giao cháu M cho anh S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ nay cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, nên cần xem xét chấp nhận.

[4] Về con riêng; tài sản chung, riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu giải quyết, do đó không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh S, chị H thuận tình ly hôn, đáng lẽ mỗi bên phải chịu 50% án phí, nhưng do anh S xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (anh S xin

chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của chị H). Do vậy cần giao anh S chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1.1 Điều 1 mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Trí S và chị Nguyễn Thị Lan H.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Nhật M, sinh ngày 10/02/2009 cho anh S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ nay cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh S.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đinh Trí S phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đồng anh S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001427 ngày 27/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, anh S đã nộp đủ tiền án phí. Chị H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Đinh Trí S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Lan H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Cổng TTĐT của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án + văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh